TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ -ST
Ngày 13-11-2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Xuân Hợp và bà Phạm Thị Hà.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở nhà văn hóa khu dân cư THĐ, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Thôn KM, xã VĐ, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn BD, xã AL, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1982.

Đại chỉ: Thôn KM, xã VĐ, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

(Chị H1 có mặt tại phiên tòa, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 29.12.2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã VĐ, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới anh chị về sinh sống tại thôn KM 2, xã VĐ, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2010 thì chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Nga, tháng 9/2011 anh H2 vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh xử phạt 7 năm 9 tháng về tội cướp giật tài sản phải đi chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến. Từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau. Đầu năm 2015 chị H1 hết hạn hợp đồng và về nước, chị về nhà mẹ đẻ ở thôn BD,xã AL sinh sống và có vào trại giam thăm anh H2 một lần. Đến tháng 10.2015 chị lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tháng 9.2017 anh

H2 chấp hành án xong và được về nhà. Anh H2 và chị H1 có liên lạc với nhau nhưng lúc này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8.2018 chị H1 về nước do hết hạn hợp đồng nH2 chị về nhà bố mẹ đẻ chị, không về chung sống với anh H2. Nguyên nhân chính của mâu thuẫn vợ chồng là do khoảng cách về địa lý, thời gian sống xa nhau nhiều dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ngoài ra bản thân chị H1 không con tin tưởng anh H2 chung thủy với chị. Trong thời gian chị làm việc ở nước ngoài, anh H2 ở nhà có quan hệ với nhiều người phụ nữa khác. Chị H1 đã nhiều lần điện thoại khuyên bảo nhưng anh H2 không nghe do đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hiện tại chị H1 và anh H2 vẫn sống ly thân, mỗi người tự ổn định cuộc sống riêng. Nay chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H2. Anh H2 xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hòa giải được, chị H1 không còn tình với anh, bản thân anh cũng có nhiều lần chủ động tìm gặp và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H1 không chấp nhận. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị H1 và anh vẫn muốn giữ gia đình cho con chung.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 đều xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị YN, sinh ngày 30-7-2007. Hiện con chung đang do chị H1 nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn cả hai anh chị đều thống nhất giao con chung cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H1 do chị H1 tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 đều trình bày thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H2 : Chị Nguyễn Thị H1 kết hôn với anh Nguyễn Văn H2 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Trong quá trình chung sống chị H1 và anh H2 có va chạm xô sát nhỏ. Khi chị H1 đi xuất khẩu lao động, anh H2 ở nhà vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến. Chị H1 hết hạn hợp đồng lao động về nước 2 lần chị đều không về chung sống với anh H2 mà về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân cho đến nay. Còn đối với cháu Yến Nhi, sau khi chị H1 không có nhà, cháu Nhi đã được bà ngoại đón về nuôi dưỡng. Sau khi bà chết, cháu được bà dì tiếp tục nuôi dưỡng. Khi chị H1 về nước cháu sống với chị H1. Cháu sống ổn định, hiện đang học lớp 6, thỉnh thoảng có về thăm bà. Nay bố mẹ cháu ly hôn đề nghị tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu đề giải quyết.

Biên ghi lời khai của bà Mạc Thị Bộ là em ruột của mẹ đẻ chị H1: Năm 2010 chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Nga, chị gái bà là bà Mạc Thị H đã đưa cháu YN về chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu sống và học tập ổn định cho đến tháng 10-2016 bà H chết, bà là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ đó cho đến nay. Khi chị H1 về nước chị đón cháu về nuôi dưỡng. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Nay tòa án có giải quyết việc ly hôn giữa chị H1 và anh H2 bà đề nghị tòa án để chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu.

Biên bản xác minh với trưởng thôn KM 2, xã VĐ và trưởng thôn BD, xã AL, thị xã C : Anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn hợp pháp Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 cụ thể thì địa

phương không nắm được, chỉ biết từ khi chị H1 đi nước ngoài vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh H2 ở nhà vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam. Khi chị H1 về nước, chị không về chung sống cùng anh H2 mà về sống với bà Hoạt ở AL. Vợ chồng anh chị ly thân. Còn con chung của anh chị sống với bà Hoạt, khi bà Hoạt mất về sống cùng bà Bộ. Hiện tại cháu sống với chị H1, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Quan điểm của địa phương nếu tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H1 và anh H2 đề nghị căn cứ vào nguyện vọng của cháu để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H2 , anh Nguyễn Văn H2 đã nhận các văn bản trên nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại phiên toà:

Chị Nguyễn Thị H1 giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Chị H1 xác định anh Nguyễn Văn H2 đã không còn chung thủy với chị, tình cảm vợ chồng nhiều năm đã không còn, về đoàn tụ cũng không có hạnh phúc. Anh H2 không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị. Vợ chồng ly thân nhiều năm đã tự ổn định cuộc sống mỗi người. Chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H2 và được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 30-7-2007 cho chÞ Nguyễn Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H1 do chị H1 tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H1 khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H2 có địa chỉ cư trú tại thôn KM 2, xã VĐ, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H2 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VĐ, thị xã Chí Linh nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu anh H2 không chung thủy với chị H1. Vợ chồng sống xa nhau thời gian lâu nên tình cảm lạnh nhạt. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị H1 và anh H2 đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H2 không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh cũng không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Do vậy việc anh không đồng ý ly hôn là không chính đáng nhằm gây khó khăn cho chị H1. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị H1 phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H1 và anh H2 thống nhất giao con chung cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu YN là con gái, hiện đã 11 tuổi có nguyện vọng tiếp tục được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H1 làm thợ may thuê cho các tiệm may ở phường S, có thu nhập ổn định trung bình 5.000.000đ/tháng, chị có điều kiện về thời gian cũng như kinh tế để chăm sóc cháu được phát triển tốt. Anh H2 nấu ăn cho quán bán hàng, công việc và giờ giấc thất thường, không chủ động được về thời gian. Nguyện vọng của mẹ đẻ anh H2 cũng như chính quyền địa phương hai thôn đều có ý kiến nên căn cứ vào nguyện vọng của cháu để giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay anh H2 vắng mặt. Do vậy hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H1, giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đây là ý chí tự nguyện của chị nên cần phải được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị YN, sinh ngày 30-7-2007 cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H1 do chị H1 tự nguyện không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị H1 đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/00001008 ngày 01-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã VĐ, thị xã Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hằng